

Bản án số 180/2022/HC-PT

Ngày 15 - 3 - 2022

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng
đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Các Thẩm phán:

1. Bà Trần Thị Thu Thủy
2. Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 102/2021/TLPT-HC ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 1999/2020/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 197/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Bà **Đỗ Thị L** (có mặt);
- Ông **Trần Văn Q** (vắng mặt);

Cùng trú tại: đường X, Phường P1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đỗ Thị L là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trần Văn Q (Văn bản ủy quyền số công chứng 8658 lập ngày 11/4/2018 tại Văn phòng Công chứng B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bao gồm:

- Luật sư LS1 – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

Địa chỉ: Phường 8, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Luật sư LS2 – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

Địa chỉ: phường 9, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hồ Phương – Phó Chủ tịch (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng);

Cùng địa chỉ: Phường 7, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B bao gồm:

1/ Bà Vũ Thị Hội D – Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị (có mặt);

2/ Bà Nguyễn Thị T – Chuyên viên phòng Quản lý đô thị (có mặt);

3/ Ông Nguyễn Trung K – Cán sự phòng Quản lý đô thị (có mặt);

4/ Bà Phù Thị Bích N – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường P1, quận B (có mặt);

Địa chỉ: Phường P1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà NLQ1 (vắng mặt);

- Ông NLQ2 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Phường P1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: bà Đỗ Thị L và ông Trần Văn Q là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Đỗ Thị L, ông Trần Văn Quý và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Đỗ Thị L và ông Trần Văn Q là chủ sử dụng đất hợp pháp tại nền số 40 CO, địa chỉ 195/24 đường X, Phường P1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Dự án nhà ở cho cán bộ công nhân viên Xí nghiệp cung ứng V (nay là Công ty Cổ phần Y) theo Giấy giao đất số 426/CGĐ ngày 04/8/1990 của Ban Quản lý ruộng đất. Gia đình bà cũng được Công ty Cổ phần Y giao quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 1 x 4m là đường ống cống thoát nước phía sau nhà.

Năm 2004, vợ chồng ông Phạm Hồng G và bà Phan Thị Thanh O ngụ tại căn nhà số 224/1/6 đường U, Phường P1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nằm phía sau lưng nhà bà) đã xây dựng lấn chiếm phần ống cống thoát nước phía sau nhà bà. Sau khi gia đình bà khiếu nại, Ủy ban nhân dân Phường P1, quận B có Thông báo số 37/TB ngày 09/4/2004 với nội dung buộc bà O tháo dỡ công trình xây dựng lấn chiếm, trả lại diện tích lấn 1 x 4m và không gian trên cống thoát

nước nhưng bà O chỉ tháo dỡ một phần, vẫn lấn chiếm phần đất này.

Sau nhiều lần làm việc, bà O vẫn không tháo dỡ công trình vi phạm, bà tiếp tục gửi đơn phản ánh đến Ủy ban nhân dân quận B. Ngày 16/11/2007, Ủy ban nhân dân quận B có Công văn số 1920/UBND trong đó có nội dung: "...Do hành vi xây dựng không phép của bà O vào tháng 7/1996 (trước khi có Quy chuẩn xây dựng Việt Nam ban hành), do đó phần ban công lấn chiếm không gian đường cống thoát nước của nhà bà O được tồn tại (tháo dỡ không điều kiện khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền). Năm 2004, bà O tiếp tục dựng khung sắt và làm mái che trên phần đất phía sau nhà lấn chiếm đường cống thoát nước chung. Vụ việc này bà O đã tự khắc phục...". Nhận định trên của Ủy ban nhân dân quận B không chính xác vì ngay sau khi phát hiện hành vi lấn chiếm của bà O, gia đình bà đã báo ngay cho Ủy ban nhân dân Phường P1 và thời điểm bà O có hành vi lấn chiếm là vào năm 2004 chứ không phải tháng 7/1996. Ngoài ra, bà O chỉ cam kết tháo dỡ chứ chưa thực hiện việc tháo dỡ phần công trình xây dựng lấn chiếm cống thoát nước của gia đình bà.

Do Ủy ban nhân dân quận B giải quyết không thỏa đáng nên năm 2008, bà và ông Trần Văn Q đã khởi kiện bà Phan Thị Thanh O và ông Lê Hồng G về việc "Tranh chấp lấn chiếm đất công cộng và phần không gian chung". Trong quá trình Tòa án nhân dân quận B giải quyết vụ án trên, ngày 01/7/2011 Ủy ban nhân dân quận B tiếp tục có Văn bản số 1100/UBND-QLĐT gửi Tòa án nhân dân quận B với nội dung: "...đường cống thoát nước phía sau nhà 69 hộ dân (trong đó có hộ ông Q và bà L) thuộc khu nhà ở cư xá CO hiện vẫn đang sử dụng hệ thống thoát nước chung và do Ủy ban nhân dân quận B quản lý..." là không đúng vì phần đất này là dự án nội bộ của Công ty Cổ phần Xây dựng YY, do cán bộ công nhân viên tự đóng góp, xây dựng và đã tính vào giá thành nền nhà, các hộ dân tự quản lý, Công ty Cổ phần Xây dựng YY cũng không bàn giao đường ống cống thoát nước này cho Ủy ban nhân dân Phường P1 hoặc Ủy ban nhân dân quận B quản lý.

Sau đó gia đình bà tiếp tục gửi đơn đề nghị Ủy ban nhân dân quận B xem xét tính hợp pháp của Công văn số 1920/UBND ngày 16/11/2007 và Công văn số 1100/UBND-QLĐT ngày 01/7/2011.

Ngày 14/4/2017, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Công văn số 1000/UBND-QLĐT trả lời đơn của bà và ông Trần Văn Q với nội dung việc Ủy ban nhân dân quận B ban hành Công văn số 1920/UBND ngày 16/11/2007 và Công văn số 1100/UBND-QLĐT ngày 01/7/2011 là đúng quy định. Bà cho rằng Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành những văn bản không đúng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

Vì vậy, bà Đỗ Thị L và ông Trần Văn Q khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 1920/UBND ngày 16/11/2007, Công văn số 1100/UBND-QLĐT ngày 01/7/2011 của Ủy ban nhân dân quận B và Công văn số 1000/UBND-QLĐT ngày 14/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận

B có bà Vũ Thị Hội D là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Nhà đất tại số 224/1/26 đường U (số cũ: 54C cư xá U1) Phường P1 được Ủy ban nhân dân quận B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02153 ngày 12/7/2013 cho ông Lê Hồng G và Bà Phan Thị Thanh O.

Vào năm 2007, Ủy ban nhân dân quận B nhận được đơn của bà Đỗ Thị L phản ánh nhà số 54C cư xá U1, Phường P1 xây dựng lấn chiếm không gian đường cống thoát nước và bà L cho rằng phần diện tích trên lưng cống thoát nước do bà quản lý và sử dụng.

Ngày 16/11/2007, Ủy ban nhân dân quận B có Công văn số 1920/UBND về việc trả lời đơn, trong đó có nội dung:

- Tháng 7/1996 bà Phan Thị Thanh O sửa chữa, xây dựng nhà không có phép tại số 54C Cư xá U1, Phường P1 có phần ban công tại tầng 2 phía sau nhà (DT = 0,6m x 4,28m) lấn không gian đường cống thoát nước do Công ty Cổ phần Xây dựng YY thiết lập theo quy hoạch.

- Do hành vi vi phạm xây dựng không phép của bà O vào tháng 7/1996 (trước khi có quy chuẩn xây dựng Việt Nam ban hành), do đó phần ban công lấn chiếm không gian đường cống thoát nước của nhà bà O được tồn tại công trình (tháo dỡ không điều kiện khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) được quy định tại Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 28/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ và Hướng dẫn số 146/HD-UB-QLĐT ngày 12/8/2004 của Ủy ban nhân dân quận B về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong xử lý vi phạm hành chính về quản lý xây dựng và sử dụng đất đai.

Ngày 01/7/2011, Ủy ban nhân dân quận B có Công văn số 1100/UBND-QLĐT về việc tranh chấp đường cống phía sau dãy nhà thuộc khu cư xá CO, Phường P1, có nội dung: Đường cống thoát nước phía sau nhà 69 hộ dân (trong đó có hộ ông Q và bà L thuộc khu nhà ở cư xá CO hiện vẫn đang sử dụng hệ thống thoát nước chung và do Ủy ban nhân dân quận B quản lý.

Ngày 25/9/2012, Tòa án nhân dân quận B ban hành Bản án sơ thẩm số 53/BA/2012/DS-ST về việc tranh chấp lấn chiếm đất, không gian và ngày 22/4/2013, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án phúc thẩm số 559/2013/DS-PT không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L và ông Trần Văn Q.

Ngày 16/11/2016, Ủy ban nhân dân quận B nhận được đơn của ông Trần Văn Q và bà Đỗ Thị L đề nghị xem xét Công văn số 1920/UBND ngày 16/11/2007 và Công văn số 1100/UBND-QLĐT ngày 11/7/2011 của Ủy ban nhân dân quận B.

Ngày 14/4/2017, Ủy ban nhân dân quận B có Công văn số 1000/UBND-QLĐT về việc trả lời đơn của ông Trần Văn Q và bà Đỗ Thị L, trong đó có nội dung: “Việc Ủy ban nhân dân quận B ban hành Công văn số 1920/UBND ngày 16/11/2007 và Công văn số 1100/UBND-QLĐT ngày 01/7/2011 là đúng quy

định và đã được Tòa án nhân dân các cấp ban hành các Bản án sơ thẩm và phúc thẩm”.

Đối với việc khởi kiện Văn bản số 1920/UBND ngày 16/11/2007; Văn bản số 1100/UBND-QLĐT ngày 11/7/2011 của Ủy ban nhân dân quận B:

Căn cứ khoản 1 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Điều 2 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 thì việc ông Q và bà L khởi kiện Văn bản số 1920/UBND ngày 16/11/2007; Văn bản số 1100/UBND-QLĐT ngày 11/7/2011 của Ủy ban nhân dân quận B đã quá thời hiệu khởi kiện.

Đối với việc khởi kiện Văn bản số 1000/UBND-QLĐT ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân quận B:

Ngày 14/4/2017, Ủy ban nhân dân quận B có Công văn số 1000/UBND-QLĐT về việc trả lời đơn của ông Trần Văn Q và bà Đỗ Thị L. Căn cứ quy định tại Khoản 1, 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì Công văn số 1000/UBND-QLĐT ngày 14/4/2017 không làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Do đó, Ủy ban nhân dân quận B đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố xem xét lại điều kiện thụ lý vụ án hành chính theo đơn khởi kiện của ông Q, bà L.

Tòa án đã tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và tổ chức đối thoại giữa các bên nhưng không giải quyết được nên tiến hành xét xử.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 1999/2020/HC-ST ngày 31 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ vào Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm h khoản 1 Điều 143; điểm đ khoản 1 Điều 123, Điều 158, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q và bà Đỗ Thị L đối với yêu cầu hủy Công văn số 1100/UBND-QLĐT ngày 01/7/2011 của Ủy ban nhân dân quận B.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q và bà Đỗ Thị L đối với yêu cầu hủy Văn bản số 1920/UBND ngày 16/11/2007 và Văn bản số 1000/UBND-QLĐT ngày 14/4/2017 của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận B.

3. Về án phí: Ông Trần Văn Q và bà Đỗ Thị L được miễn án phí hành

chính sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) cho ông Trần Văn Q và bà Đỗ Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0048801 ngày 05/02/2018 Của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về chi phí thẩm định tại chỗ: Bà Đỗ Thị L và ông Trần Văn Q đã nộp đủ chi phí thẩm định tại chỗ.

Ngày 09/12/2020, người khởi kiện Đỗ Thị L và Trần Văn Q kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà do Hội đồng xét xử sơ thẩm đã không nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, không ghi nhận hết diễn biến tại phiên tòa, thiếu khách quan, đưa ra những nhận định không chính xác làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

Tại phiên tòa, người kháng cáo đồng thời là người khởi kiện không xuất trình thêm chứng cứ mới và trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền, lợi ích của người khởi kiện yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do phía gia đình bà O đã xây dựng ban công, nhà vệ sinh trên không gian chung của đường thoát nước của cả khu tập thể Công ty 43 làm ảnh hưởng sinh hoạt của các hộ dân khác và cả gia đình của bà L nhưng Ủy ban nhân dân quận B không xử lý hành vi vi phạm hành chính về xây dựng mà vẫn để cho tồn tại công trình là sai, Ủy ban quận cũng không áp dụng biện pháp hành chính buộc tháo dỡ để khắc phục. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Công văn 1920 không bám sát thực tế trong khi tại các buổi làm việc tại phường bà O cũng đã thừa nhận là sai nhưng sau đó không khắc phục. Tuy Công ty 43 chưa bàn giao khu này để Ủy ban nhân dân quận quản lý nhưng hành lang phía sau nơi bà O có hành vi lấn chiếm là hành lang an toàn của nhiều hộ dân khác thì Ủy ban vẫn có thẩm quyền xử lý.

Ngoài ra, trong đơn khởi kiện bổ sung, bà L có viện dẫn Công văn 612 ngày 12/7/2017 của Ủy ban nhân dân quận B với nội dung: “yêu cầu Ủy ban nhân dân Phường P1 thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước, buộc các hộ dân – ông Q, bà L tháo dỡ cửa sắt; bà O tháo dỡ vách tole nhựa, lưới B40 và thu dọn vật dụng sinh hoạt để lấn chiếm hệ thống thoát nước chung của khu vực”. Sau khi có công văn này nhà bà L đã chấp hành nhưng nhà bà O vẫn không tiến hành tháo dỡ nhưng vẫn không bị Ủy ban quận xử lý. Như vậy, bản án sơ thẩm đã không xem xét đến Công văn này để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà L là bỏ sót đối tượng khởi kiện, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày tính có căn cứ và đúng pháp luật của văn bản hành chính bị khởi kiện của UBND quận B, xác định UBND quận B ban hành văn bản là hợp pháp và có căn cứ. Đồng thời cũng thừa nhận các phản ánh trong đơn khởi kiện của bà L, ông Q nêu về trường hợp gia đình bà O xây dựng một số công trình sinh hoạt trên đường thoát nước chung của khu tập thể Công ty 43 là đúng thực tế. Tuy nhiên, do phạm vi quản lý khu này chưa được chính thức bàn giao về hạ tầng kỹ thuật cho Ủy ban nhân dân quận và việc xây dựng của bà O đến nay đã quá thời hiệu xử lý hành vi

xây dựng không đúng quy định nên chưa đủ cơ sở pháp lý để xử lý. Để khắc phục, Ủy ban nhân dân quận B đã vận động hộ bà O thu dọn để không ảnh hưởng đến lối đi thông hành địa dịch như bản án sơ thẩm đã tuyên. Việc áp dụng biện pháp hành chính thì không có cơ sở pháp lý để xử lý nên chỉ có thể vận động người dân khắc phục.

Nhận thấy bản án sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng – người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã O thủ quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo được làm trong hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung vụ kiện: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện trước đây giữa gia đình bà L và bà O có tranh chấp về việc xây dựng và đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Sau đó, bà L, ông Q tiếp tục khởi kiện hành chính đối với Ủy ban nhân dân quận B về việc xử lý hành vi xây dựng công trình lấn chiếm không gian trên đường thoát nước của khu tập thể Công ty 43. Quá trình giải quyết, cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q và bà Đỗ Thị L đối với yêu cầu hủy Công văn số 1100/UBND-QLĐT ngày 01/7/2011 của Ủy ban nhân dân quận B vì đây là văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án nên không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

Đối với Văn bản số 1920/UBND ngày 16/11/2007 và Văn bản số 1000/UBND-QLĐT ngày 14/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B bị khởi kiện, Ủy ban nhân dân Phường P1 đã có biên bản họp dân về việc giải quyết các trường hợp xây dựng không đúng quy định và vận động tháo dỡ và không thực hiện xử phạt vi phạm hành chính do chưa đủ cơ sở pháp lý nên các văn bản nêu trên đã được ban hành là đúng trình tự, thủ tục. Bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L vẫn xác định trong 03 văn bản khởi kiện thì không có khởi kiện Công văn 612 ngày 12/7/2017 nên không có việc bỏ sót yêu cầu khởi kiện như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đã nêu.

Do bản án sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

Đối với việc vắng mặt của các đương sự là người có quyền và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính do đã thực hiện triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Về quyền khởi kiện, đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết như án sơ thẩm đã xác định là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2017, người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy Văn bản số 1920/UBND ngày 16/11/2007 và Văn bản số 1000/UBND – QLĐT ngày 14/4/2017 của Chủ tịch UBND quận B về việc trả lời kiến nghị của bà L, ông Q đối với trường hợp sử dụng không gian trên đường cống thoát nước chung của gia đình bà Phan Thị Thanh O tại nhà số 54C Cư xá U1, Phường P1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là nhà số 224/1/26 đường U, Phường P1, quận B) được Ủy ban nhân dân quận B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02153 ngày 12/7/2013 cho ông Lê Hồng G và Bà Phan Thị Thanh O; đồng thời yêu cầu hủy Văn bản số 1100/UBND-QLĐT ngày 01/7/2011 của Ủy ban nhân dân quận B trả lời Tòa án nhân dân quận B về việc tranh chấp đường cống phía sau dãy nhà thuộc khu cư xá CO, Phường P1, quận B. Xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập và trình bày của các đương sự thể hiện:

Văn bản số 1100/UBND-QLĐT ngày 01/7/2011 của Ủy ban nhân dân quận B là văn bản trả lời Tòa án nhân dân quận B trong quá trình Tòa án giải quyết tranh chấp dân sự giữa các đương sự là gia đình bà L và gia đình bà O nên không phải là đối tượng khởi kiện. Án sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu này là đúng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 143 và điểm đ khoản 1 Điều 123 Luật Tổ tụng hành chính.

Đối với Văn bản số 1920/UBND ngày 16/11/2007 và Văn bản số 1000/UBND – QLĐT ngày 14/4/2017 của Chủ tịch UBND quận B nhận thấy về thẩm quyền ban hành là đúng quy định của Điều 18 Luật Khiếu nại 2011. Về nội dung văn bản số 1920/UBND ngày 16/11/2007 đã không chấp nhận nội dung phản ánh của bà L, ông Q về việc hộ bà O có hành vi xây dựng nhà lấn chiếm lưng cống, ban công phía sau nhà tại tầng 2 lấn chiếm không gian đường cống và bà L cho rằng phần diện tích lưng cống thoát nước do bà quản lý sử dụng là đúng quy định pháp luật – như nhận định của án sơ thẩm về nguồn gốc và quá trình giải quyết khiếu nại là đúng thực tế nên yêu cầu khởi kiện đối với văn bản này không được chấp nhận là có cơ sở.

Văn bản số 1000/UBND – QLĐT ngày 14/4/2017 của Chủ tịch UBND quận B trả lời đơn đề nghị xem xét văn bản số 1920/UBND ngày 16/11/2007 và Văn bản số 1100/UBND-QLĐT ngày 01/7/2011 của Ủy ban nhân dân quận B với nội dung không thay đổi so với các văn bản trên là phù hợp với các chứng

cứ khác như Văn bản 391/CPXD.43-TCHC ngày 30/8/2008 của Công ty Cổ phần Xây dựng YY đã xác định: Theo quy định chung, không ai có quyền xây dựng công trình bên trên hay lấn chiếm đường rãnh thoát nước. Mọi trường hợp vi phạm quy định về xây dựng nhà ở đều do chính quyền địa phương và ban ngành liên quan giải quyết trực tiếp với từng hộ gia đình theo quy định pháp luật. Ngoài ra, theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 02/8/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện: có phần ban công nêu trên và phần trên mặt cống nhà bà O (nay là nhà ông NLQ2 và bà NLQ1) có che chắn xung quanh và để vật dụng sinh hoạt gia đình. Theo hồ sơ đăng ký kê khai nhà đất năm 1999 của gia đình bà O có thể hiện phần ban công lấn chiếm không gian đường cống thoát nước. Như vậy, gia đình bà O đã xây dựng phần ban công nêu trên trước khi có Quy chuẩn xây dựng Việt Nam ban hành, do đó phần ban công lấn chiếm không gian đường cống thoát nước của nhà bà O được tồn tại công trình, tuy nhiên phải tháo dỡ không điều kiện khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 28/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ và Hướng dẫn số 146/HD-UB-QLĐT ngày 12/8/2004 của Ủy ban nhân dân quận B về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong xử lý vi phạm hành chính về quản lý xây dựng và sử dụng đất đai.

Như vậy, có cơ sở để nhận định Ủy ban nhân dân quận B ban hành Văn bản số 1920/UBND ngày 16/11/2007 và Văn bản số 1000/UBND-QLĐT ngày 14/4/2017 là đúng quy định pháp luật vì thực tế đơn vị quản lý khu nhà ở này là Công ty Cổ phần Y chưa bàn giao hạ tầng kỹ thuật cho địa phương quản lý, nên yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L và ông Trần Văn Q là không có cơ sở chấp nhận.

Tuy không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, ông Q nhưng án sơ thẩm có kiến nghị đối với phần che chắn một phần cống của gia đình ông NLQ2 và bà NLQ1 (người đang trực tiếp quản lý, sử dụng nhà và đất được đề cập trong vụ án hiện nay) với nội dung: *“Dù không xây dựng công trình, tuy nhiên để giữ bề mặt thông thoáng của mặt cống, giữ vệ sinh môi trường. Tòa án kiến nghị Ủy ban nhân dân quận B yêu cầu hộ ông NLQ2, bà NLQ1 tháo bỏ phần che chắn này để đảm bảo vệ sinh môi trường, tạo không gian thông thoáng cho hệ thống cống thoát nước của khu dân cư”*. Kiến nghị này là hợp lý nên người bị kiện cần lưu ý để thực thi.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bà L, ông Q được làm trong thời hạn luật định. Tuy nhiên, như phân tích trên việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành giải quyết vụ án và tuyên án là có căn cứ, đúng pháp luật. Người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có đề cập đến Công văn 612 ngày 12/7/2017 cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của văn bản này. Qua xem xét thấy rằng đơn khởi kiện chỉ yêu cầu hủy 03 văn bản đã nêu và không yêu cầu đối với văn bản 612 nên không thuộc phạm vi xét xử trong vụ án. Do vậy không

thể cho rằng án sơ thẩm bỏ sót nội dung khởi kiện. Ngoài ra, người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên, như trình bày của phía người bị kiện, việc gia đình bà O không tháo dỡ các công trình xây dựng sai quy định trong thực tế có ảnh hưởng đến thông hành địa dịch nên việc căn cứ vào Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 28/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ để cho tồn tại công trình là không phù hợp. Theo thẩm quyền quản lý nhà nước về xây dựng, Ủy ban nhân dân quận B cần áp dụng các biện pháp buộc khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật để yêu cầu người đang sử dụng công trình khôi phục lại hiện trạng ban đầu như kiến nghị của bản án sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm bà L, ông Q được miễn do đương sự là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí (đơn ghi ngày 20/12/2020).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị L, ông Trần Văn Q, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 1999/2020/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm h khoản 1 Điều 143; điểm đ khoản 1 Điều 123, Điều 158, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q và bà Đỗ Thị L đối với yêu cầu hủy Công văn số 1100/UBND-QLĐT ngày 01/7/2011 của Ủy ban nhân dân quận B.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q và bà Đỗ Thị L đối với yêu cầu hủy Văn bản số 1920/UBND ngày 16/11/2007 và Văn bản số 1000/UBND-QLĐT ngày 14/4/2017 của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận B.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân quận B áp dụng các biện pháp buộc khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật để yêu cầu hộ bà Phan Thị Thanh O, ông Lê Hồng G (người thực tế đang sử dụng công trình nhà ở hiện nay là bà NLQ1 và ông NLQ2) khôi phục lại hiện trạng ban đầu đối với phần xây dựng không đúng quy định của nhà số 224/1/26 đường U, Phường P1, quận B, Thành

phố Hồ Chí Minh (số cũ: 54C cư xá U1) như bản án sơ thẩm đã đề cập.

Bà Đỗ Thị L, ông Trần Văn Q được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ